

# XÂY DỰNG MÔ HÌNH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỨNG THÚ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Nguyễn Thị Mơ<sup>1,\*</sup>, Nguyễn Thị Thu Hằng<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

\*Email: [nguyenthimo@qui.edu.vn](mailto:nguyenthimo@qui.edu.vn)

## TÓM TẮT

Chất lượng và hiệu quả của quá trình đào tạo bị chi phối từ sự hứng thú học tập của người học. Muốn nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình đào tạo cần nâng cao hứng thú học tập. Vậy, hứng thú học tập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã chịu ảnh hưởng bởi những nhân tố nào và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố ra sao? Thông qua quá trình khảo sát thực tế đối với sinh viên đang học tập tại đây, nhóm tác giả sử dụng 5 mức đánh giá của thang đo Likert làm cơ sở đo lường mức độ khảo sát của các nhân tố đề xuất. Kết quả khảo sát thực tế thu về sẽ lần lượt trải qua các bước từ lược bỏ mẫu khảo sát lỗi, rồi đến kiểm định Cronbach's Alpha, tiếp tục phân tích nhân tố khám phá EFA, tiếp nữa là phân tích tương quan, sau đó là phân tích hồi quy từ nền tảng phần mềm SPSS 27 để có được mô hình cần xây dựng. Mô hình mà nhóm tác giả thu về chịu tác động của 4 nhân tố với mức độ ảnh hưởng theo thứ tự giảm dần lần lượt là môi trường học tập, phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất và nhận thức của sinh viên. Mô hình hồi quy có hệ số sig nhỏ hơn 0,1 đã đảm bảo ý nghĩa thống kê và giải thích được 75,6% vấn đề nghiên cứu.

**Từ khóa:** Cronbach's Alpha, Phân tích nhân tố khám phá (EFA), Hứng thú học tập, Mô hình hồi quy, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cần tạo cho người học cảm thấy hứng thú mới có thể thôi thúc và khơi dậy tính chủ động chiếm lĩnh tri thức trong quá trình học tập của họ. Đây là một trạng thái đặc biệt của người học được gọi là hứng thú học tập[1]. Hứng thú học tập không chỉ là một trạng thái tâm lý, mà còn là một động lực mạnh mẽ, thúc đẩy người học vượt qua các rào cản, chủ động tiếp cận tri thức và hoàn thiện kỹ năng bản thân. Khi nền kinh tế Việt Nam đang chuyển mình theo dòng chảy công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, thì chất lượng và hiệu quả của quá trình đào tạo nói chung và quá trình đào tạo đại học nói riêng càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Với sứ mạng cung cấp nguồn tài nguyên nhân lực có chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế địa phương, nền kinh tế khu vực và quốc tế. Hứng thú học tập của sinh viên luôn được Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh quan tâm, cải tiến, nâng tầm theo thời gian như chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, chất lượng giảng viên... nhóm tác giả sẽ xây dựng

mô hình hồi quy để đo lường mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến hứng thú học tập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

## 2. CƠ SỞ NGHIÊN CỨU

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

Kết quả nghiên cứu công bố năm 2012 của tác giả Zaiton Mustafa và Hishamuddin Salim đã khẳng định có năm yếu tố gồm ảnh hưởng từ gia đình, ảnh hưởng của giảng viên, giảng viên giáo dục Hồi giáo, phương pháp giảng dạy và chương trình giáo dục Hồi giáo đã tác động đến hứng thú học tập của học sinh Hồi Giáo[2].

Tác giả Arie Pratama năm 2017 đã phát phiếu hỏi cho sinh viên đang học chương trình kế toán ở thành phố Bandung, West Java, Indonesia đã nhận về kết quả với bảy yếu tố tác động đến hứng thú học tập là nhận thức ngành nghề, lựa chọn sinh viên về ngành nghề kế toán, yếu tố xã hội, kỹ năng của sinh viên, kỳ vọng của ngành nghề, độ tuổi và giới tính[3].

Theo Nhạc Thanh Hương và Lã Nguyễn

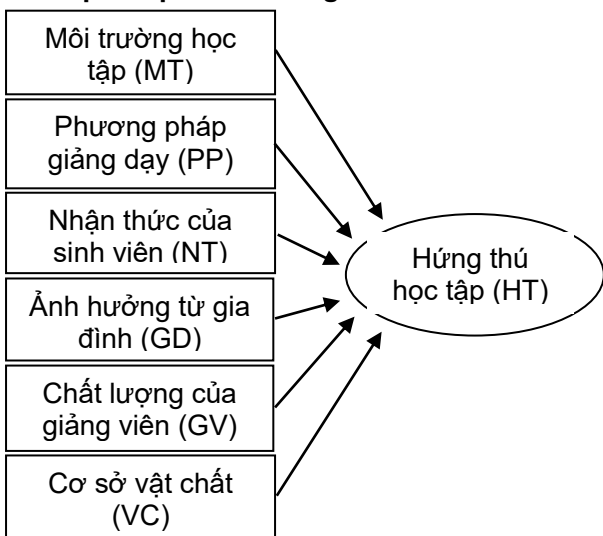
Bình Minh năm 2018 tại Trường Đại học Luật Hà Nội đã trình bày kết quả nghiên cứu rằng hứng thú học ngoại ngữ chịu ảnh hưởng cùng chiều với 3 yếu tố là trình độ chuyên môn, người dạy, phương pháp giảng dạy và chịu ảnh hưởng ngược chiều với 3 yếu tố gồm môi trường học tập, người học và đặc điểm môn học[4].

Năm 2021 tác giả Lưu Chí Danh, & nnk tại Trường Đại học Văn Lang đã cho biết cả sáu nhân tố nghiên cứu đều có tác động cùng chiều tới hứng thú học tập. Trong đó, mức độ tác động của nhân tố chất lượng giảng viên là lớn nhất[5].

Kết quả nghiên cứu của tác giả Huỳnh Văn Đăng năm 2022 đã đưa vào nghiên cứu nhân tố gia đình và bạn bè mà không có sự hiện diện của nhân tố ảnh hưởng từ gia đình trong sáu nhân tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập của sinh viên. Nhưng cũng một lần nữa khẳng định nhân tố tác động mạnh mẽ nhất là nhân tố chất lượng giảng viên[6].

Có nhiều nghiên cứu về hứng thú học tập nhưng tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh thì chưa có nghiên cứu nào được công bố. Để biết được sự hứng thú học tập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh chịu sự ảnh hưởng của những nhân tố nào, mức độ ảnh hưởng bao nhiêu? Sau đây, nhóm tác giả sẽ xây dựng mô hình nghiên cứu.

**2.2. Lựa chọn nhân tố nghiên cứu**



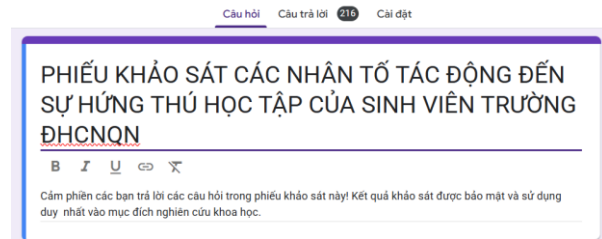
**Hình 1. Mô hình nghiên cứu**

Trên cơ sở các nghiên cứu tương đồng của

các tác giả trước đây, nhóm tác giả tiến hành khảo sát sáu nhân tố như ở Hình 1.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

- Đối tượng khảo sát. Sinh viên đang học tập ở Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.
- Kỹ thuật lấy mẫu. Phiếu khảo sát được xây dựng trên công cụ google forms, sau đó tạo đường link rồi gửi đến các đối tượng khảo sát.



**Hình 2. Tóm tắt phiếu khảo sát**

- Công cụ phân tích. Kết quả thu về là các giá trị trong google sheet. Nhóm tác giả sẽ phân loại để lược bỏ ban đầu những khảo sát xấu như lỗi missing data, lỗi trùng lặp...
- Phương pháp nghiên cứu. Sử dụng phần mềm SPSS 27, nhóm tác giả sẽ tính toán các vấn đề như phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích tương quan, phân tích hồi quy.

**3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**3.1. Thống kê trung bình**

Kết quả khảo sát thu về với số lượng là 216 phiếu. Sau khi kiểm tra dữ liệu, để loại những khảo sát có dấu hiệu xấu thì còn lại 158 phiếu đạt yêu cầu tương đương với tỷ lệ 73,15%, xem Bảng 1.

**Bảng 1. Descriptive Statistics**

Item	N	Min	Max	Mean	Std. Deviation
HT	158	1	5	4,39	0,6955
GD	158	1	5	3,61	0,6445
GV	158	1	5	4,24	0,6391
NT	158	1	5	4,37	0,8620
PP	158	1	5	4,25	0,6804
MT	158	1	5	4,19	0,7249
VC	158	1	5	4,12	0,7239
Valid N	158				

Dựa vào 5 mức độ đánh giá của thang đo

Likert với mức 3,0 là bình thường. Kết quả thu được ở bảng 1 các biến khảo sát đều cao hơn mức bình thường 3,0.

Biến GD (ảnh hưởng từ gia đình) có mức trung bình thấp nhất là 3,61/5. Biến NT (nhận thức của sinh viên) có mức trung bình cao nhất là 4,37/5.

**3.2. Kiểm tra độ tin cậy của thang đo**

**Bảng 2. Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
0,945	7

Các biến nghiên cứu có hệ số Cronbach's Alpha của thang đo đạt 0,945, xem Bảng 2. Giá trị này đã lớn hơn 0,6 chứng tỏ thang đo có độ tin cậy rất cao và các biến quan sát phù hợp để sử dụng trong nghiên cứu.

**Bảng 3. Item-Total Statistics**

Item	Scale Mean if Deleted	Scale Variance if Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Deleted
HT	24,79	13,827	0,867	0,933
GD	25,56	14,183	0,864	0,934
GV	24,93	14,750	0,741	0,943
NT	24,80	13,432	0,731	0,948
PP	24,92	14,092	0,830	0,936
MT	24,97	13,612	0,871	0,932
VC	25,05	13,641	0,866	0,933

Số liệu Bảng 3, cột Corrected Item-Total Correlation biến MT (môi trường học tập) có giá trị lớn nhất bằng 0,871 và biến NT (nhận thức của sinh viên) cho giá trị nhỏ nhất bằng 0,731.

**Bảng 5. Total Variance Explained**

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	4,567	76,112	76,112	4,567	76,112	76,112
2	0,696	11,597	87,709			
3	0,377	6,276	93,986			
4	0,189	3,152	97,137			
5	0,100	1,673	98,810			
6	0,071	1,190	100,000			

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Hệ số tương quan tổng của biến nhỏ nhất vẫn lớn hơn 0,3 nghĩa là các biến khảo sát đều đạt yêu cầu.

Ngoài ra, hệ số tại cột Cronbach's Alpha if Item Deleted có giá trị nằm trong khoảng từ 0,932 đến 0,948. Mặc dù biến NT xuất hiện dấu hiệu cần xem xét để loại biến nhưng nếu loại biến này thì cũng chỉ làm độ tin cậy của thang đo tăng rất nhẹ từ 0,945 lên 0,948 điều này không thật sự cải thiện đáng kể nên biến NT vẫn tiếp tục giữ lại mô hình nghiên cứu.

**3.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA**

Phân tích EFA cần thỏa mãn 2 điều kiện: một là hệ số KMO cần đạt giá trị trong khoảng từ 0,5 đến 1, hai là sig Bartlett < 0,05 để khẳng định tính phù hợp của nhân tố đưa vào nghiên cứu.

**Bảng 4. KMO and Bartlett's Test**

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.	0,832	
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	990,434
	df	15
	Sig.	0,000

Kết quả ở Bảng 4 có hệ số KMO = 0,832 không chỉ thỏa mãn khoảng giá trị mà còn cho biết mức độ phù hợp của dữ liệu là tốt để phân tích EFA. Bên cạnh đó, kiểm định sig Bartlett's Test = 0,000 < 0,05 nghĩa là các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể và có ý nghĩa thống kê.

Đồng thời, giá trị Chi-Square đạt 990,434 và df đạt 15 lại càng củng cố thêm kết luận dữ liệu phân tích nhân tố khám phá EFA của nghiên cứu là phù hợp.

Nhân tố được trích có giá trị eigenvalues là 4,567 lớn hơn 1 và có tổng phương sai tích lũy là 76,112% đã lớn hơn yêu cầu tối thiểu 50%.

Bảng 6 là kết quả thể hiện các biến đưa vào nghiên cứu có hệ số tải lớn nhất là MT (môi trường học tập) bằng 0,912; hệ số tải nhỏ nhất là NT (nhận thức của sinh viên) bằng 0,798. Ngoài ra, bảng 6 đã cho biết chỉ có 1 nhân tố được trích "1 components extracted", nghĩa là các biến quan sát đều hội tụ vào một nhân tố chung. Vậy các biến MT, CV, GD, PP, GV, NT đều đạt yêu cầu về hệ số tải nhân tố và được giữ lại trong mô hình nghiên cứu. Kết quả thu về cho thấy thang đo đạt giá trị hội tụ và đủ điều kiện để nghiên cứu.

### 3.4. Phân tích tương quan

Bảng 7, hệ số sig của tất cả các biến đều thỏa mãn nhỏ hơn 0,05 chứng tỏ HT (hứng thú học tập) có tương quan với tất cả các biến nghiên cứu.

**Bảng 7. Correlations**

Item		HT	GD	GV	NT	PP	MT	VC
HT	Pearson Correlation	1	0,793**	0,683**	0,700**	0,758**	0,808**	0,789**
	Sig. (2-tailed)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
	N	158	158	158	158	158	158	158
GD	Pearson Correlation	0,793**	1	0,587**	0,690**	0,689**	0,878**	0,869**
	Sig. (2-tailed)	0,000		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
	N	158	158	158	158	158	158	158
GV	Pearson Correlation	0,683**	0,587**	1	0,507**	0,911**	0,669**	0,620**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000		0,000	0,000	0,000	0,000
	N	158	158	158	158	158	158	158
NT	Pearson Correlation	0,700**	0,690**	0,507**	1	0,604**	0,673**	0,725**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000		0,000	0,000	0,000
	N	158	158	158	158	158	158	158
PP	Pearson Correlation	0,758**	0,689**	0,911**	0,604**	1	0,725**	0,713**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000		0,000	0,000
	N	158	158	158	158	158	158	158
MT	Pearson Correlation	0,808**	0,878**	0,669**	0,673**	0,725**	1	0,805**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000		0,000
	N	158	158	158	158	158	158	158
VC	Pearson Correlation	0,789**	0,869**	0,620**	0,725**	0,713**	0,805**	1
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
	N	158	158	158	158	158	158	158

\*\* . Correlation is significant at the 0,01 level (kiểm định 2 phía).

Bảng 8, cho kết quả về mức độ ý nghĩa của nghiên cứu. Giá trị của cột R Square là 0,756

**Bảng 6. Component Matrix<sup>a</sup>**

Item	Component	
	1	
MT		0,912
VC		0,908
GD		0,906
PP		0,886
GV		0,818
NT		0,798

Extraction Method: Principal Component Analysis.

cho thấy 75,6% vấn đề nghiên cứu đã được giải thích qua các nhân tố ảnh hưởng đề xuất trong mô hình nghiên cứu.

Bảng 9, cho giá trị cột F = 77,899 thể hiện

mô hình hồi quy có ý nghĩa tốt. Thông tin quan trọng có được của bảng Anova là hệ số sig bằng 0,000 đã nhỏ hơn 0,05 khẳng định tính phù hợp của mô hình hồi quy.

**Bảng 8. Model Summary<sup>b</sup>**

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	0,869 <sup>a</sup>	0,756	0,746	0,35045	2,099

a. Predictors: (Constant), VC, GV, NT, MT, GD, PP

b. Dependent Variable: HT

**Bảng 9. ANOVA<sup>a</sup>**

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	57,404	6	9,567	77,899	0,000 <sup>b</sup>
	Residual	18,545	151	0,123		
	Total	75,949	157			

a. Dependent Variable: HT

b. Predictors: (Constant), VC, GV, NT, MT, GD, PP

**Bảng 10. Coefficients<sup>a</sup>**

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	0,442	0,200		2,213	0,028		
	GD	0,144	0,113	0,134	1,281	0,202	0,148	6,758
	GV	0,038	0,110	0,035	0,343	0,732	0,157	6,359
	NT	0,124	0,049	0,154	2,545	0,012	0,440	2,273
	PP	0,243	0,115	0,237	2,102	0,037	0,127	7,895
	MT	0,256	0,089	0,267	2,886	0,004	0,189	5,302
	VC	0,148	0,086	0,154	1,720	0,087	0,201	4,984

a. Dependent Variable: HT

Bảng 10 là kết quả của mô hình hồi quy mà nhóm tác giả thu về sau quá trình nghiên cứu. Với hệ số sig của 6 nhân tố nghiên cứu thì sig của 2 nhân tố GD (ảnh hưởng từ gia đình) là 0,202 và nhân tố GV (chất lượng giảng viên) là 0,732 lớn hơn 0,1 nên không thỏa mãn mức của ý nghĩa thống kê 10%. Còn 4 nhân tố NT (nhận thức của sinh viên), PP (phương pháp giảng dạy), MT (môi trường học tập), VC (cơ sở vật chất) đã thỏa mãn mức ý nghĩa thống kê 10%.

Mô hình nghiên cứu như sau:

$$HT = 0,442 + 0,256MT + 0,243PP + 0,148VC + 0,124NT$$

Như vậy, NT (nhận thức của sinh viên), PP (phương pháp giảng dạy), MT (môi trường học tập), VC (cơ sở vật chất) đã tác động tới hứng thú học tập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh trong giai đoạn hiện nay.

#### 4. KẾT LUẬN

Qua 158 kết quả khảo sát hợp lệ, mặc dù đã thỏa mãn mẫu khảo sát song cỡ mẫu tương đối nhỏ nên kết quả thu về chỉ dừng lại ở mức tạm chấp nhận được. Mô hình mà nhóm tác giả đã xây dựng không những cho biết có bốn nhân tố tác động là môi trường học tập (MT), phương pháp giảng dạy (PP), cơ sở vật chất (VC), nhận

thức của sinh viên (NT) mà còn thể hiện rõ ràng mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tới hứng thú học của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. Các nhân tố này đã phân ánh được 75,6% vấn đề nghiên cứu và đảm bảo ý nghĩa thống kê với hệ số sig nhỏ hơn 10%.

Mô hình thu về thể hiện nhân tố môi trường học tập có tác động mạnh mẽ nhất đến sự hứng thú học tập. Kết quả này có khác với nghiên cứu của Lưu chí Danh và Huỳnh Văn Đặng. Tuy

nhiên, nó lại lý giải đúng với xu thế của người học hiện nay.

Mô hình nghiên cứu xây dựng không chỉ làm rõ mục tiêu nghiên cứu đặt ra mà còn góp phần bổ sung thêm cơ sở lý luận cho phương pháp nghiên cứu định lượng; mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo trong vấn đề giữ chân người học, cũng như tăng cường sự gắn kết giữa người học với nhà trường.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nam, N. H., & Quyên, C. T. (2014). *Nâng cao hứng thú học tập cho SV Trường Cao đẳng nghề*. Tạp chí khoa học - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 59, (8), 142-150.
- [2]. Zaiton, M., & Hishamuddin, S. (2012). *Factors Affecting Students' Interest in Learning Islamic Education*. Journal of Education and Practice, 3(13), 81-86.
- [3]. Arie, P. (2017). *Factors Affecting Students' Learning Interest in an Accounting Study Programme: A Study in Bandung City, West Java, Indonesia*. Review of Integrative Business and Economics Research, 6(2), 295-311.
- [4]. Hương, N. T., & Minh, L. N. B. (2018). *Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học ngoại ngữ của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội*. <https://ngoaingu.hlu.edu.vn/SubNews/Details/16867>
- [5]. Danh, L. C., & Huyền, N. T. N., Quỳnh, Đ. N. N., Diệu, V. T. M. (2021). *Các nhân tố tác động đến sự hứng thú học tập của sinh viên*. <https://tapchicongthuong.vn/cac-nhan-to-tac-dong-den-su-hung-thu-trong-hoc-tap-cua-sinh-vien-83564.htm>
- [6]. Đặng, H. V. (2022). *Các nhân tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập của sinh viên trong bối cảnh hiện nay*. <https://scholar.dlu.edu.vn/thuvienso/bitstream/DLU123456789/185826/1/CVv39S272022064.pdf>

#### Thông tin của tác giả:

##### Nguyễn Thị Mơ

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Điện thoại: +(84).0904351284 - Email: [nguyenthimo@qui.edu.vn](mailto:nguyenthimo@qui.edu.vn)

##### Nguyễn Thị Thu Hằng

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Điện thoại: +(84).0916280680 - Email: [nguyenthithuhang@qui.edu.vn](mailto:nguyenthithuhang@qui.edu.vn)

## DEVELOPING A MODEL OF FACTORS AFFECTING THE LEARNING INTEREST OF STUDENTS AT QUANG NINH UNIVERSITY OF INDUSTRY

#### Information about authors:

Nguyen Thi Mo, Quang Ninh University of Industry, email: [nguyenthimo@qui.edu.vn](mailto:nguyenthimo@qui.edu.vn)

Nguyen Thi Thu Hang, Quang Ninh University of Industry

**ABSTRACT:**

The quality and effectiveness of the educational process are significantly influenced by students' learning interest. Enhancing learning interest is therefore essential to improving overall training quality and effectiveness. This study aims to identify the factors affecting the learning interest of students at Quang Ninh University of Industry and to examine the extent of influence of each factor. A five-point Likert scale was used to design the survey questionnaire. After removing invalid responses, the collected data were analyzed using Cronbach's Alpha reliability test, EFA, correlation analysis, and regression analysis with the support of SPSS 27 software. The results show that students' learning interest at Quang Ninh University of Industry is influenced by four main factors: learning environment, teaching methods, facilities, and students' awareness. Among these factors, the learning environment has the strongest impact on students' learning interest at Quang Ninh University of Industry in the current context. The regression model is statistically significant with a significance level of less than 0.1 and explains 75.6% of the variance in students' learning interest.

**Keywords:** Cronbach's Alpha, Exploratory Factor Analysis (EFA), Learning interest, Regression Model, Quang Ninh University of Industry.

**REFERENCES**

- [1]. Nguyen, Đ. L., & Pham, V. T. (2005). *Enhancing Learning Interest for Students at Vocational Colleges*, in Vietnamese. Scientific Journal - Hanoi National University of Education, 59, (8), 142-150.
- [2]. Mustafal, Z., & Salim, H. (2012). *Factors Affecting Students' Interest in Learning Islamic Education*. Journal of Education and Practice, 3(13), 81-86.
- [3]. Pratama, A. (2017). *Factors Affecting Students' Learning Interest in an Accounting Study Programme: A Study in Bandung City, West Java, Indonesia*. Review of Integrative Business and Economics Research, 6(2), 295-311.
- [4]. Bui, T. N. (2014). *Factors Affecting Foreign Language Learning Motivation of Students at Hanoi Law University*, in Vietnamese. <https://ngoainqu.hlu.edu.vn/SubNews/Details/16867>.
- [5]. Luu, C. D., & Nguyen, T. N. H., Do, N. N. Q., Vo, T. M. D (2021). *Factors affecting the interests in learning of students*, in Vietnamese. <https://tapchicongthuong.vn/cac-nhan-to-tac-dong-den-suhung-thu-trong-hoc-tap-cua-sinh-vien-83564.htm>
- [6]. Huynh, V. D. (2022). *Factors Affecting Students' Learning Motivation in the Current Context*, in Vietnamese. <https://scholar.dlu.edu.vn/thuvienso/bitstream/DLU123456789/185826/1/CVv39S272022064.pdf>

**Ngày nhận bài:** 19/03/2026;

**Ngày nhận bài sửa:** 14/04/2026;

**Ngày chấp nhận đăng:** 17/04/2026.